

Số: 1563/QĐ-ĐNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng dành cho sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 616/TTg ngày 26 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 1083/QĐ-ĐNT ngày 06/9/2022 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Chính trị - Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

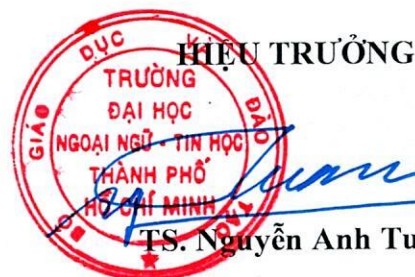
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về việc xét, cấp học bổng dành cho sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 381/QĐ-ĐNT ngày 13 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Quy định xét học bổng chính sách dành cho sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trường các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên toàn Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Uly*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Hội đồng Trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Đoàn TN - Hội SV Trường;
- Lưu: VT, CT-CTSV.





QUY ĐỊNH

Về việc xét, cấp học bổng dành cho sinh viên hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số: 1563/QĐ-ĐNT, ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc xét, cấp học bổng cho sinh viên hệ chính quy văn bằng 1 đang theo học tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh. Bao gồm: Học bổng chính sách HUFLIT; Học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực; Học bổng Tân sinh viên; Học bổng Thanh Sơn (Nhà giáo Huỳnh Thế Cuộc – Người sáng lập HUFLIT thành lập); Học bổng tài trợ.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy văn bằng 1 và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Những trường hợp sinh viên được hưởng các chế độ, chính sách của Nhà nước về miễn giảm học phí, ưu đãi trong giáo dục cần liên hệ Phòng Lao động - Thương binh xã hội tại địa phương để nắm rõ các quy định, Nhà trường hỗ trợ hoàn thành thủ tục để nhận phần ưu đãi tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc xét, cấp học bổng

- Đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước và Nhà trường.
- Đúng đối tượng.
- Tự nguyện, dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch.
- Sinh viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn được nhận học bổng phải nộp đủ hồ sơ đúng thời hạn quy định theo Thông báo của Trường.

Chương II HỌC BỔNG HUFLIT

Mục 1

HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH HUFLIT

Điều 3. Điều kiện xét học bổng chính sách HUFLIT

1. Sinh viên thuộc diện đủ điều kiện được xét học bổng, đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Sinh viên là con ruột hoặc con nuôi có giấy tờ hợp pháp hoặc anh/chị/em ruột của cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên cơ hữu của trường (đã ký hợp đồng làm việc chính thức).
- b) Sinh viên có anh/chị/em ruột đang cùng học tại trường.
- c) Sinh viên khuyết tật (tùy theo mức độ sẽ cấp mức học bổng tương ứng).
- d) Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo.
- e) Sinh viên mồ côi cha lẫn mẹ.
- f) Sinh viên là con thương binh, liệt sĩ đồng thời có hoàn cảnh khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên căn cước công dân (CCCD)) xác nhận hoặc mồ côi cha hoặc mẹ.
- g) Gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) cấp sổ hoặc mã số, xác nhận, được Khoa xác minh và đề xuất.
- h) Sinh viên được nhận học bổng chính sách HUFLIT cho năm học tiếp theo phải có kết quả học tập, rèn luyện tương ứng với từng đối tượng xét học bổng tại Điều 4 theo quy định này.
- i) Nếu sinh viên thuộc nhiều đối tượng (diện) được xét cấp học bổng chính sách HUFLIT, sinh viên chỉ nộp hồ sơ đề nghị xét học bổng cho một diện có mức học bổng cao nhất.

2. Sinh viên không đủ điều kiện xét học bổng năm học:

- a) Sinh viên năm II, III, IV có xếp loại học tập Yếu/Kém hoặc xếp loại rèn luyện Yếu/Kém trong năm học liền kề trước thời điểm xét.
- b) Sinh viên đang trong thời gian chịu hình thức kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.
- c) Sinh viên vi phạm quy chế, quy định, nội quy của Nhà trường tính đến thời điểm xét học bổng.

d) Sinh viên vượt quá thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa (trừ SV du học, SV học chuyển tiếp mà kéo dài thời gian).

Trường hợp sinh viên đạt tiêu chuẩn nhận Học bổng chính sách HUFLIT, đồng thời đạt tiêu chuẩn nhận Học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực hoặc Học bổng duy trì của Thủ khoa trường/Thủ khoa ngành, thì sinh viên chỉ nhận mức học bổng cao nhất trong năm học đó.

Điều 4. Mức học bổng chính sách HUFLIT

Mức học bổng chính sách HUFLIT là mức giảm theo tỷ lệ % học phí của năm học (chỉ giảm học phí các môn học trong chương trình đào tạo (CTĐT) của ngành mà sinh viên đang theo học, không bao gồm học phí trả nợ môn và các khoản phí khác) đối với mỗi sinh viên, cụ thể như sau:

1. Đối với sinh viên năm I

STT	ĐỐI TƯỢNG	MỨC HỌC BỔNG (Mức giảm theo tỷ lệ % học phí năm học/ mỗi SV)
1	Sinh viên là con ruột hoặc con nuôi có giấy tờ hợp pháp hoặc anh/chị/em ruột của cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên cơ hữu của trường (đã ký hợp đồng làm việc chính thức)	50%
2	Sinh viên có anh/chị/em ruột đang cùng học tại trường	13%
3	Sinh viên khuyết tật mức độ nặng	30%
4	Sinh viên khuyết tật mức độ nhẹ	20%
5	Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo. Sinh viên mồ côi cha lẫn mẹ. Sinh viên là con thương binh, liệt sĩ đồng thời có hoàn cảnh khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) xác nhận hoặc mồ côi cha hoặc mẹ. Gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) cấp sổ hoặc mã số, xác nhận, được Khoa xác minh và đề xuất.	20%

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NGŨ - T
ÀNH PH
CHỈ M

2. Đối với sinh viên năm II, III, IV

STT	ĐỐI TƯỢNG	XẾP LOẠI HỌC TẬP – RÈN LUYỆN	MỨC HỌC BỔNG (Mức giảm theo tỷ lệ % học phí năm học/ mỗi SV)
1	Sinh viên là con ruột hoặc con nuôi có giấy tờ hợp pháp hoặc anh/chị/em ruột của cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên cơ hữu của trường (đã ký hợp đồng làm việc chính thức)	Giỏi trở lên	40%
		Khá trở lên	30%
		Trung bình	20%
2	Sinh viên có anh/chị/em ruột đang cùng học tại trường	Giỏi trở lên	20%
		Khá trở lên	10%
		Trung bình	8%
3	Sinh viên khuyết tật mức độ nặng	Giỏi trở lên	50%
		Khá trở lên	30%
		Trung bình	20%
4	Sinh viên khuyết tật mức độ nhẹ	Giỏi trở lên	30%
		Trung bình	10%
5	Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo. Sinh viên mồ côi cha lẫn mẹ. Sinh viên là con thương binh, liệt sĩ đồng thời có hoàn cảnh khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) xác nhận hoặc mồ côi cha hoặc mẹ. Gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) cấp sổ hoặc mã số, xác nhận, được Khoa xác minh và đề xuất.	Giỏi trở lên	30%
		Khá trở lên	20%
		Trung bình	10%

Điều 5. Quy trình xét, cấp học bổng chính sách HUFLIT

1. Thông báo xét học bổng chính sách HUFLIT
 - a) Phòng Tuyển sinh: thông báo cho thí sinh về điều kiện xét học bổng chính sách HUFLIT dựa trên Quy định xét học bổng cho sinh viên hệ chính quy.
 - b) Phòng Chính trị - Công tác sinh viên (CT-CTSV): tham mưu Hiệu trưởng và ban hành Thông báo xét học bổng chính sách HUFLIT vào đầu năm học.
2. Nộp hồ sơ xét học bổng chính sách HUFLIT
 - a) Sinh viên nộp hồ sơ xét học bổng chính sách HUFLIT tại Văn phòng Khoa hiện đang theo học. Đối với diện anh/chị/em ruột đang cùng học tại Trường, chỉ cần một sinh viên đại diện nộp hồ sơ.
 - b) Thời gian nộp hồ sơ: theo Thông báo xét học bổng chính sách HUFLIT hàng năm.
 - c) Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách HUFLIT, bao gồm: Đơn xin cấp học bổng chính sách theo Thông báo hàng năm; Giấy tờ minh chứng hoàn cảnh cá nhân, gia đình theo Phụ lục đính kèm.
3. Nhận hồ sơ xét học bổng chính sách HUFLIT
 - a) Các khoa nhận hồ sơ xét học bổng chính sách HUFLIT, căn cứ vào Quy định để kiểm tra hồ sơ, đề nghị sinh viên bổ sung hồ sơ nếu cần thiết; sau đó tổng hợp hồ sơ gửi về Phòng CT-CTSV.
 - b) Thời gian các Khoa kiểm tra hồ sơ và cho sinh viên bổ sung hồ sơ: trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc thời gian sinh viên nộp hồ sơ.
 - c) Các khoa nộp toàn bộ hồ sơ xét học bổng chính sách HUFLIT về Phòng CT-CTSV. Phòng tổng hợp danh sách và tiến hành xét hồ sơ, sau đó báo cáo và xin ý kiến của Hội đồng xét học bổng cấp trường về danh sách thông qua.
 - d) Thời gian Phòng CT-CTSV kiểm tra hồ sơ về các giấy tờ minh chứng; xếp loại học tập, rèn luyện của sinh viên; mức học bổng dự kiến: Trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc thời gian các Khoa nộp hồ sơ.
4. Hội đồng xét học bổng căn cứ vào Báo cáo và hồ sơ theo đề xuất của phòng CT-CTSV, xem xét, biểu quyết.
5. Dựa trên biên bản họp Hội đồng xét học bổng chính sách HUFLIT, Phòng CT-CTSV trình Hội đồng Trường duyệt mức cấp học bổng chính sách HUFLIT năm học.
6. Phòng CT-CTSV tham mưu Hiệu trưởng ban hành Quyết định cấp học bổng chính sách HUFLIT.
7. Sau khi được phê duyệt, Phòng CT-CTSV đăng thông báo trên website trường, công thông tin đào tạo về danh sách sinh viên được cấp học bổng chính sách HUFLIT.

8. Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC) căn cứ vào Quyết định cấp học bổng chính sách HUFLIT đã được phê duyệt để tiến hành thủ tục khấu trừ số tiền học bổng sinh viên được nhận vào học phí học kỳ 2 và học kỳ 3 (nếu có) của năm học đó.

Mục 2

HỌC BỔNG SINH VIÊN HUFLIT TÀI NĂNG, NỖ LỰC

Điều 6. Điều kiện xét học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực

1. Sinh viên thuộc diện đủ điều kiện được xét học bổng, đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Sinh viên đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc, đứng đầu ngành học, khóa học của năm học.
 - b) Sinh viên đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi ngành học, khóa học của năm học (xếp từ thứ hai trở đi, số lượng theo phân bổ từng năm học).
 - c) Sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi năm học trở lên (có điểm trung bình học tập năm học từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10 đối với khóa 2020 trở về trước) hoặc từ 3,2 trở lên (theo thang điểm 4 đối với khóa 2021 về sau) và có điểm rèn luyện năm học từ 80 điểm trở lên).
 - d) Số lượng tín chỉ tối thiểu sinh viên tích lũy trong các học kỳ chính không thấp hơn số lượng tín chỉ quy định trong Chương trình đào tạo.
 - e) Điểm trung bình học tập để xét học bổng, khen thưởng năm học chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất của mỗi học kỳ.
2. Sinh viên thuộc diện không đủ điều kiện được xét học bổng:
 - a) Sinh viên bị rớt bất kỳ học phần nào trong năm học, bị nợ môn trong năm học.
 - b) Sinh viên vi phạm quy chế, quy định, nội quy của Nhà trường trong năm học (bao gồm cả học kỳ 3).
 - c) Sinh viên vượt quá thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa (trừ SV học chuyển tiếp mà kéo dài thời gian).
 - d) Sinh viên đang trong thời gian chịu hình thức kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

Điều 7. Mức học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực

STT	ĐỐI TƯỢNG	MỨC HỌC BỔNG
1	Học bổng Sinh viên HUFLIT tài năng	Suất học bổng trị giá tương ứng 60% học phí của năm học.
2	Học bổng Sinh viên HUFLIT nỗ lực	Suất học bổng trị giá tương ứng 30% học phí của năm học.



Điều 8. Quy trình xét, cấp học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực

1. Sau mỗi học kỳ, các đơn vị có liên quan nếu có xử lý các trường hợp sinh viên vi phạm quy chế, quy định, nội quy nhà trường trong học kỳ (kể cả vi phạm quy chế thi) gửi danh sách, biên bản xử lý sinh viên vi phạm về Phòng CT-CTSV để cập nhật hồ sơ quản lý sinh viên.

2. Cuối mỗi năm học, các Khoa căn cứ theo tiêu chuẩn trên, tổ chức xem xét và gửi danh sách đề nghị xét học bổng sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực về Phòng CT-CTSV để tổng hợp và báo cáo Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên trường; sau đó trình Hội đồng trường xem xét và phê duyệt.

3. Thực hiện như mục 4, 5, 6, 7, 8 Điều 5 của Quy định này.

Mục 3

HỌC BỔNG TÂN SINH VIÊN

Điều 9. Đối tượng xét học bổng tân sinh viên

STT	ĐỐI TƯỢNG
1	Thủ khoa trường theo phương thức xét tuyển học bạ
2	Thủ khoa trường theo phương thức xét tuyển kỳ thi THPT Quốc gia
3	Thủ khoa ngành theo phương thức xét tuyển học bạ
4	Thủ khoa ngành theo phương thức xét tuyển kỳ thi THPT Quốc gia
5	Học sinh giỏi cấp quốc gia (Giải nhất)
6	Học sinh giỏi cấp quốc gia (Giải nhì, Giải ba)
7	Học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố (Giải nhất)
8	Học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố (Giải nhì, Giải ba)
9	Học sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt: TOEFL ITP 525, TOEFL IBT 68, IELTS 6.5, HSK cấp độ 5, JLPT N3 và TOPIK cấp 3.
10	Học bổng doanh nghiệp
11	Học bổng kết nối (trường THPT và HUFLIT)

Điều 10. Mức học bổng tân sinh viên

Mức học bổng tân sinh viên tùy theo tình hình tài chính hằng năm của Trường, sẽ được thông báo vào đầu mỗi năm học.



Điều 11. Xét học bổng Tân sinh viên

1. Học sinh là thí sinh trúng tuyển và hoàn tất thủ tục nhập học đầu năm tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Kết quả thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/Quốc gia được tính từ Giải ba trở lên thuộc năm lớp 12 (năm trúng tuyển và nhập học) gồm các môn Ngữ văn, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Tin học.

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ còn giá trị trong vòng 02 năm tính đến ngày xét học bổng theo Thông báo hàng năm.

4. Những trường hợp không trung thực, sử dụng giấy tờ giả mạo để xét sẽ bị thu hồi học bổng và xem xét kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn đến buộc thôi học.

5. Điểm số xét Thủ khoa trường, Thủ khoa ngành theo hai phương thức xét tuyển: Học bạ và kỳ thi THPT đều không nhân hệ số, không cộng điểm ưu tiên và được quy đổi điểm ngoại ngữ do có chứng chỉ ngoại ngữ dùng để xét tuyển.

6. Trường hợp Tân sinh viên vừa đạt Thủ khoa trường và Thủ khoa ngành thì Tân sinh viên chỉ nhận mức học bổng là Thủ khoa trường và sẽ không xét Thủ khoa ngành cho ngành đó. Đồng thời, Tân sinh viên nhận học bổng Thủ khoa trường hoặc Thủ khoa ngành sẽ không được xét nhận học bổng ở mục 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 ở Điều 9.

7. Trường hợp Tân sinh viên đạt học bổng duy trì Thủ khoa trường hoặc Thủ khoa ngành đạt tiêu chuẩn xét học bổng sinh viên HUFLIT tài năng hoặc nỗ lực ở các năm học tiếp theo, sinh viên chỉ nhận mức học bổng cao nhất.

8. Nếu Tân sinh viên đạt từ 02 suất học bổng thuộc diện là học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trở lên hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định thì chỉ được nhận 01 suất cao nhất (đối tượng 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 ở Điều 9). Ngoài ra, Tân sinh viên có thể nhận học bổng chính sách HUFLIT nếu đủ tiêu chuẩn.

Điều 12. Quy trình xét, cấp học bổng tân sinh viên

1. Ban hành thông báo cấp học bổng
 - a) Phòng Tuyển sinh: Thông báo cho thí sinh về điều kiện xét học bổng tân sinh viên dựa trên Quy định xét học bổng cho sinh viên hệ chính quy.
 - b) Phòng CT-CTSV: Soạn và ban hành Thông báo xét học bổng tân sinh viên vào đầu năm học.
2. Nộp hồ sơ xét học bổng tân sinh viên
 - a) Tân sinh viên nộp hồ sơ xét học bổng tại Phòng CT-CTSV.
 - b) Thời gian nộp hồ sơ: theo Thông báo xét học bổng tân sinh viên hàng năm.
 - c) Hồ sơ xét cấp học bổng chính sách, bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp học bổng Tân sinh viên (mẫu đơn theo Thông báo hàng năm).
 - Tân sinh viên xét học bổng ở đối tượng nào thì nộp minh chứng kèm theo phù hợp, cụ thể:
 - + Đối tượng Học sinh giỏi các cấp: Nộp bản giấy photo có chứng thực bằng khen, giấy khen hoặc giấy chứng nhận giải thưởng và file scan màu bản gốc rõ nét, đủ số hiệu, ngày tháng, chữ ký và con dấu.
 - + Đối tượng Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Nộp bản giấy có xác nhận điểm thi của đơn vị cấp chứng chỉ và file scan màu bản gốc rõ nét, đủ số hiệu, ngày tháng, chữ ký và con dấu.
3. Thực hiện như mục 4, 5, 6, 7, 8 Điều 5 của Quy định này.

Mục 4

HỌC BỔNG THANH SƠN

Học bổng Thanh Sơn do NGUT Huỳnh Thế Cuộc – Người sáng lập HUFLIT thành lập, nhằm hỗ trợ những sinh viên tiêu biểu có tinh thần vượt khó và vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Mức học bổng từ 5.000.000 đồng trở lên

Điều 13. Quy trình xét, cấp học bổng Thanh Sơn

1. Các đơn vị giới thiệu, đề xuất người nhận học bổng, Phòng CT-CTSV xem xét và đề xuất với người đại diện Quỹ học bổng phê duyệt.
2. Thực hiện như mục 4, 5, 6, 7, 8 Điều 5 của Quy định này.

Mục 5

HỌC BỔNG TÀI TRỢ

Học bổng tài trợ cho sinh viên do các tổ chức và cá nhân (gọi chung là đơn vị tài trợ) trao theo những điều kiện riêng, có thể thay đổi tùy theo tình hình hàng năm.

Điều 14. Mức học bổng, tiêu chuẩn xét, cấp học bổng tài trợ

Mức học bổng, tiêu chuẩn xét cấp học bổng tài trợ thực hiện theo thỏa ước giữa đơn vị tài trợ với nhà trường hoặc những điều kiện xét, cấp học bổng do tiêu chí của đơn vị tài trợ.

Điều 15. Quy trình xét, cấp học bổng tài trợ

1. Phòng CT-CTSV hoặc các đơn vị có liên quan nhận thông tin từ đơn vị tài trợ; căn cứ vào tiêu chuẩn xét học bổng, số lượng suất học bổng của đơn vị tài trợ, tiến hành phân bổ chỉ tiêu học bổng tài trợ cho các khoa và hướng dẫn các khoa lập hồ sơ xin cấp học bổng tài trợ (nếu có).



2. Các khoa tổ chức bình xét, lập hồ sơ gửi về Phòng CT-CTSV hoặc các đơn vị có liên quan tổng hợp, chuyển cho đơn vị tài trợ xem xét cấp học bổng.

3. Sau khi đơn vị tài trợ xem xét thông qua tiêu chuẩn, số lượng học bổng, các đơn vị có liên quan gửi đề xuất trao học bổng đến Phòng CT-CTSV tham mưu Hiệu trưởng ban hành các Quyết định trao học bổng cho sinh viên.

4. Sau khi được phê duyệt, Phòng CT-CTSV đăng thông báo trên website trường, công thông tin đào tạo về danh sách sinh viên được cấp học bổng của đơn vị tài trợ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Công tác triển khai thực hiện và phối hợp

1. Phòng CT-CTSV

- a) Tham mưu Hiệu trưởng và ban hành Thông báo xét các loại học bổng hàng năm.
- b) Tiếp nhận hồ sơ xét học bổng từ sinh viên và các khoa.
- c) Lập dự trù kinh phí cấp học bổng cho sinh viên trong năm học.
- d) Tổ chức các buổi họp Hội đồng xét học bổng cấp Trường.
- e) Công bố kết quả xét trao học bổng.

2. Các Khoa

- a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, các tiêu chí đề nghị xét học bổng chính sách HUFLIT; sinh viên HUFLIT tài năng, nỗ lực; học bổng tài trợ;
- b) Thành lập Hội đồng xét học bổng cấp Khoa để Trường khoa xem xét hồ sơ đề nghị xét học bổng của sinh viên.
- c) Cung cấp danh sách tổng hợp hồ sơ và đề nghị Thường trực Hội đồng xét học bổng cấp Trường.

3. Phòng ĐTĐH

- a) Cung cấp cho Phòng CT-CTSV danh sách điểm xét tuyển theo 02 phương thức: Học bạ và kỳ thi THPT (không nhân hệ số, không điểm ưu tiên, được quy đổi điểm ngoại ngữ do có chứng chỉ ngoại ngữ dùng để xét tuyển).
- b) Cung cấp cho Phòng CT-CTSV danh sách sinh viên có kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp hàng năm đạt từ loại giỏi trở lên.

4. Phòng KH-TC

- a) Căn cứ vào Quyết định khen thưởng và trao học bổng đã được phê duyệt để tiến hành thủ tục thanh quyết toán theo quy định.



b) Cập nhật số liệu và báo cáo cho Lãnh đạo trường về kinh phí cấp học bổng theo từng năm học.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng bắt đầu từ năm học 2023 – 2024.

2. Các đơn vị, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

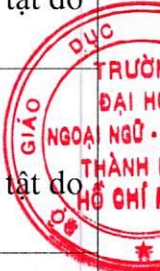


**PHỤ LỤC 1: GIẤY TỜ MINH CHỨNG HOÀN CẢNH CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH
KHI XÉT HỌC BỔNG CHÍNH SÁCH HUFLIT**



(Kèm theo Quyết định số 1563/QĐ-ĐNT ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẦN CÓ
1	Sinh viên là con ruột hoặc con nuôi có giấy tờ hợp pháp hoặc anh/chị/em ruột của cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên cơ hữu của trường (đã ký hợp đồng làm việc chính thức)	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh của sinh viên và của cha/mẹ hoặc anh/chị/em ruột là cán bộ, giảng viên, chuyên viên, nhân viên cơ hữu của trường.
2	Sinh viên có anh/chị/em ruột đang cùng học tại trường	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh của sinh viên và của anh/chị/em ruột đang cùng học tại trường.
3	Sinh viên khuyết tật mức độ nặng	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã/phường/thị trấn cấp.
4	Sinh viên khuyết tật mức độ nhẹ	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã/phường/thị trấn cấp.
5	Sinh viên mắc bệnh hiểm nghèo	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy xác nhận bị bệnh hiểm nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan y tế kèm bệnh án mới nhất.
6	Sinh viên mồ côi cha lẫn mẹ	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy chứng tử của cha và mẹ hoặc giấy xác nhận người mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND cấp xã/phường/thị trấn.
7	Sinh viên là con thương binh, liệt sĩ đồng thời có hoàn cảnh khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên	1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao (có chứng thực) giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy tờ chứng minh người có công với cách mạng.



	CCCD) xác nhận hoặc mô côi cha hoặc mẹ	4. Bản sao (có chứng thực) giấy khai tử của cha hoặc mẹ hoặc giấy xác nhận sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của chính quyền địa phương nơi cư trú cấp (không quá 06 tháng kể từ ngày ký đến ngày nộp hồ sơ).
8	Gia đình thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được địa phương (nơi thường trú được ghi trên CCCD) cấp sổ hoặc mã số, xác nhận, được Khoa xác minh và đề xuất	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị xét học bổng. 2. Bản sao giấy khai sinh. 3. Bản sao (có chứng thực) giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (cùng năm xét học bổng) do UBND cấp xã/phường/thị trấn cấp, xác nhận.

May





**MỨC HỌC BỔNG TÂN SINH VIÊN
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1563/QĐ-ĐNT ngày 12 tháng 10 năm 2023
của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	ĐỐI TƯỢNG	MỨC HỌC BỔNG
1	Thủ khoa trường theo phương thức xét tuyển học bạ	50% học phí/ năm
2	Thủ khoa trường theo phương thức xét tuyển kỳ thi THPT Quốc gia	học và được duy trì có điều kiện
3	Thủ khoa ngành theo phương thức xét tuyển học bạ	25% học phí/ năm
4	Thủ khoa ngành theo phương thức xét tuyển kỳ thi THPT Quốc gia	học và được duy trì có điều kiện
5	Học sinh giỏi cấp quốc gia (Giải nhất)	15.000.000 đồng
6	Học sinh giỏi cấp quốc gia (Giải nhì, Giải ba)	10.000.000 đồng
7	Học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố (Giải nhất)	10.000.000 đồng
8	Học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố (Giải nhì, Giải ba)	5.000.000 đồng
9	Học sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt: TOEFL ITP 525, TOEFL IBT 68, IELTS 6.5, HSK cấp độ 5, JLPT N3 và TOPIK cấp 3.	3.000.000 đồng
10	Học bổng doanh nghiệp	5.000.000 đồng
11	Học bổng kết nối (trường THPT và HUFLIT)	5.000.000 đồng

Handwritten signature